

Bản án số: 102/2021/DS-ST  
Ngày 24 - 6 - 2021  
V/v tranh chấp hợp đồng hội và vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Biện Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Trong các ngày 24 tháng 3 và 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ S Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 546/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng hội và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972 (có mặt)

2. Bà Lê Hồng V, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp GH, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:**

1. Ông Phương Văn U, sinh năm 1966 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1967

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Hồng Đ là anh Phương Văn D, sinh năm 1996 (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2021- có mặt).

Cùng cư trú: Ấp GH, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Hồng V, sinh năm 1978 (có mặt)

2. Bà Tô Thị Bé U1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

3. Bà Lâm Bé S1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

4. Ông Hà Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp GH, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bà Lê Hồng V trình bày: Ông S và bà V có làm đầu thảo hội, bà Đ và ông U có tham gia hội, đã hốt hội và đóng hội chết còn nợ lại, cụ thể các dây hội như sau:

+ Dây hụi mở ngày 25/01/2018 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, tổng 32 chung, bà Đ, ông U tham gia 3 chung, hụi mãn vào tháng 8/2020 âm lịch, nợ lại hai tháng hụi chết là 6.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 25/01/2018 âm lịch, hụi 500.000 đồng, tổng 37 chung, bà Đ, ông U tham gia 3 chung, hụi mãn vào tháng 01/2021 âm lịch, nợ lại 7 tháng hụi chết là 10.500.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 26/4/2018 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, tổng 32 chung, bà Đ, ông U tham gia 3 chung, hụi mãn vào tháng 11/2020 âm lịch, nợ lại năm tháng hụi chết là 15.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 27/01/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, tổng 29 chung, bà Đ, ông U tham gia 3 chung, mãn hụi vào tháng ngày 27/4/2021 âm lịch, tính đến mãn 11 lần hụi là 33.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 12/3/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, tổng 31 chung, bà Đ, ông U tham gia 3 chung, hụi đến tháng 8/2021 âm lịch mới mãn, đóng hụi chết đến tháng 5/2021 nợ 11 tháng là 33.000.000 đồng, tính đến mãn là 14 lần hụi là 42.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 10/4/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, tổng 31 chung, bà Đ, ông U tham gia 4 chung, hụi đến tháng 9/2021 âm lịch mới mãn, đóng hụi chết đến tháng 5/2021 nợ 11 tháng 2 chung là 22.000.000 đồng, tính đến mãn là 15 lần hụi là 30.000.000 đồng. Hai chung hụi bị đơn khai vào hụi giùm cho bà V và bà Bé U1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Dây hụi mở ngày 15/7/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, tổng 32 chung, bà Đ, ông U tham gia 1 chung, hụi đến tháng 12/2022 âm lịch mới mãn, đóng hụi chết đến tháng 5/2021 nợ 11 tháng là 11.000.000 đồng, tính đến mãn còn 18 hụi là 18.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 15/8/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, tổng 32 chung, bà Đ tham gia 2 chung, hụi đến tháng 1/2022 âm lịch mới mãn, đóng hụi chết đến tháng 5/2021 nợ 11 tháng là 22.000.000 đồng, tính đến mãn còn 19 lần hụi là 38.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 12/3/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, tổng 33 chung, bà Đ tham gia 4 chung, hụi mãn vào tháng 10/2022 âm lịch, đã hốt 2 chung, còn lại 2 chung hụi sống, đóng hụi chết đến tháng 5/2021 nợ 11 tháng là 22.000.000 đồng tính đến mãn còn 28 lần hụi là 56.000.000 đồng. Đối với hai chung hụi sống đã đóng được mỗi chung 5.000.000 đồng, hai chung là 10.000.000 đồng, khi mãn hụi sẽ tính toán đối trừ lại với bị đơn.

Tất cả các chung hụi sau khi hốt hụi có đóng hụi chết đủ đến tháng 6/2020 âm lịch thì ngưng cho đến nay. Bà Đ đi BD làm từ ngày 02/7/2020 âm lịch cho đến nay. Các lần hốt hụi không nhớ cụ thể ngày tháng năm nào, lần khai hụi thứ mấy. Tổng nợ hụi chết tính đến tháng 5/2021 là 174.500.000 đồng.

Ngoài ra vào tháng 3/2020 bà Đ có vay của ông bà số tiền 20.000.000 đồng, có trả 4.000.000 đồng, nợ lại 16.000.000 đồng.

Tổng nợ tiền hụi và tiền mượn tính đến tháng 01/2021 âm lịch là 190.500.000 đồng, ông S bà V yêu cầu bà Đ, ông U phải trả cho vợ chồng ông bà. Phần hụi còn lại từ tháng 5/2021 chưa khai, ông bà chưa lấp hụi sẽ thỏa thuận với bà Đ, ông U, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện sau. Trong giấy hụi ghi tên bà Đ (chị năm

U), các lần khai hội và đóng hội là bà Đ tham gia khai hội và đóng hội. Việc mượn tiền cũng do bà Đ trực tiếp mượn. Do bà Đ tham gia hội và mượn tiền là dùng để xây nhà, dùng chi phí sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu ông U cùng có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông bà.

*\* Đại diện bị đơn bà Nguyễn Hồng Đ trình bày:*

- Về phần hội: Bà Đ có tham gia hội do ông S và bà V làm chủ theo như toàn bộ phần trình bày của ông S, bà V là đúng. Bà Đ đóng hội đến hết tháng 6/2020 âm lịch, từ ngày 02/7/2020 âm lịch đi Bình Dương làm cho đến nay. Tổng cộng tính từ tháng 7/2020 âm lịch đến tháng 05/2021 âm lịch bà Đ còn nợ tất cả các chung hội qua tính toán là 174.500.000 đồng là đúng.

Ngoài ra vào ngày 10/12/2019 âm lịch vay 10.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 600.000 đồng, đóng lãi từ khi vay đến hết tháng 6/2020 âm lịch số tiền đóng 7 tháng là 4.200.000 đồng. Vào ngày 12/02/2020 âm lịch vay 10.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 750.000 đồng, đóng lãi đến hết tháng 6/2020 âm lịch số tiền đóng 4 tháng là 3.750.000 đồng, có trả 4.000.000 đồng, nợ lại 16.000.000 đồng. Lãi suất đã đóng cho nguyên đơn thì bà Đ yêu cầu nguyên đơn giảm  $\frac{1}{2}$ . Tổng tiền hội và tiền mượn sau khi đối trừ  $\frac{1}{2}$  tiền lãi đã đóng 3.975.000 đồng còn nợ số tiền 186.525.000 đồng, bà Đ đồng ý trả cho ông S, bà V nhưng nay nợ nhiều người nên không có khả năng trả nợ một lần.

Tiền hội bà Đ tham gia hội của ông S và bà V khi mới tham gia dùng chi phí sinh hoạt trong gia đình, cô đất của người khác và đóng hội đã hết. Ông U và bà Đ hiện nay vẫn còn là vợ chồng, thời điểm bà Đ tham gia hội ông U sống chung biết việc bà Điệp chơi hội nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu chung, ông U cũng đồng ý trả nợ cho ông S và bà V nhưng không có khả năng trả nợ.

*\* Ông Phương Văn U trình bày:* Việc giao dịch hội giữa bà Đ với ông S, bà V ông không biết và xin vắng mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Tô Thị Bé U1 trình bày: Trước đây bà Đ có vô hội của ông S làm chủ mở ngày 10/4/2019, hội 1.000.000 đồng, bà Đ có vào nhiều chung, có để lại cho bà một chung, hàng tháng bà gửi tiền cho bà Đ đóng cho ông S. Sau đó bà Đ hốt hội đưa lại cho bà (số tiền bao nhiêu không nhớ). Sau khi hốt hội bà đóng hội đến nay là 25 lần còn lại 6 lần là mãn hội, bà vẫn đồng ý đóng hội tiếp cho ông S cho đến khi hội mãn. Tất cả các lần khai hội, hốt hội, bà Đ tham gia trực tiếp với ông S vì danh sách hội ghi tên Đ, U. Bà Bé U1 yêu cầu được vắng mặt.

- Bà Lâm Bé S1 trình bày: Trước đây vào năm 2020 bà Đ có cho bà mượn số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này là tiền của bà Đ hay tiền gì bà không biết, từ trước đến nay bà không liên quan đến việc chơi hội của ông S, bà V. Có lần anh Dương có kêu bà đóng số tiền hội giùm cho ông S là 1.000.000 đồng. Nay bà không liên quan đến vụ án nên xin vắng mặt, còn tiền mượn bà và bà Đ tự giải quyết.

- Ông Hà Thanh T trình bày: Ông không tham gia hội của ông S làm chủ. Do không liên quan nên yêu cầu được vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Phương Văn U, bà Tô Thị Bé U1, bà Lâm Bé S1, ông Hà Thanh T có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Đối với việc tranh chấp hợp đồng hội thì thấy rằng: Bà Đ và ông U là hội viên tham gia giao dịch hội do anh S, chị V làm chủ đầu thảo là thực tế có xảy ra, được các bên đương sự trình bày và thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự khai trong các hội ông S, bà V khởi kiện, bà Đ có tham gia hội giùm cho bà V, bà Bé U1, bà Bé S1, ông T. Tuy nhiên tại phiên toà ông S và bà V xác định không yêu cầu toà án giải quyết đối với hai chứng hội bà Đ tham gia giùm cho bà V và bà Bé U1 trong dây hội mở ngày 10/4/2019 số tiền tính đến mãn hội là 30.000.000 đồng. Đối với dây hội bà Đ tham gia giùm cho bà Bé S1 và ông T thì chỉ nghe nói tham gia giùm nhưng người đứng tên trong danh sách hội là bà Đ, nay yêu cầu bà Đ, ông U phải thực hiện việc đóng hội chết cho ông bà. Xét thấy, việc nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết hai chứng hội của bà V và bà Bé U1 là quyền tự định đoạt của đương sự nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của ông S, bà V. Đối với việc bị đơn xác định tham gia hội giùm cho bà Bé S1 và ông T thì không có văn bản thoả thuận giữa các bên đương sự cũng như không được bà Bé S1 và ông T thừa nhận. Mặt khác trong danh sách hội không có tên hội viên là Bé S1 và T mà chỉ ghi tên bà Đ, ông U. Do đó, không có căn cứ xác định việc tham gia hội giùm mà chỉ có căn cứ xác định bà Đ, ông U là hội viên tham gia giao dịch hội với chủ hội là ông S, bà V.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Sau khi hốt hội thì bà Đ và ông U đóng lại hội chết cho đến 6/2020 thì vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, không đóng hội chết hàng tháng cho ông S, bà V, làm cho ông S, bà V phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bà Đ, ông U nên bà Đ, ông U phải có nghĩa vụ trả lại cho ông S, bà V các lần ông S, bà V đã thực hiện góp hội thay cho bà Đ, ông U. Tuy nhiên, việc tranh chấp các dây hội trên thì có dây đã kết thúc hợp đồng và chưa kết thúc hợp đồng nên việc tính toán, điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật là khác nhau. Đối với dây hội kết thúc hợp đồng, ông S, bà V thực hiện thay nghĩa vụ cho bà Đ, ông U cụ thể như sau: Dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 25/01/2018 âm lịch, thực hiện thay 02 lần bằng 6.000.000 đồng. Hội 500.000 đồng mở ngày 25/01/2018 âm lịch thực hiện thay 07 lần bằng 10.500.000 đồng. Hội 1.000.000 đồng mở ngày 26/4/2018 âm lịch, thực hiện thay 05 lần bằng 15.000.000 đồng. Hội 1.000.000 đồng mở ngày 27/01/2019 âm lịch, thực hiện thay 11 lần bằng 33.000.000 đồng. Xét thấy, anh S, chị V đã thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho các hội viên khác cho đến khi kết thúc hợp đồng với vai trò của người bảo lãnh nên bà Đ, ông U phải hoàn trả lại cho anh S, chị V tổng ba dây hội đã mãn nêu trên số tiền 64.500.000 đồng là phù hợp.

Đối với các dây hội còn lại đến nay chưa kết thúc hợp đồng và bà Đ đồng ý trả tiền hội chết lại cho ông S, bà V. Tuy nhiên, trong quá trình bà Đ, ông U tham gia hội đã trả lãi suất vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật, lẽ ra cần điều chỉnh cho đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên Toà ông S và bà V trình bày do thời gian mở hội đã lâu nên ông bà không nhớ cụ thể số tiền bà Đ, ông U hốt được nên chỉ yêu cầu bà Đ và ông U trả số tiền mà ông bà đã đóng hội thay đến ngày khai hội gần nhất (ngày xét xử sơ thẩm), phần hội ông bà chưa đóng hội thay (chưa khai) sẽ yêu cầu sau và được đại diện bị đơn đồng ý. Xét thấy đây là quyền tự

định đoạt của đương sự cũng như phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Như vậy, bà Đ, ông U ngưng đóng hội từ tháng 6/2020 đến tháng 5/2021, các dây hội ông S, bà V thực hiện nghĩa vụ thay cho bà Đ, ông U cụ thể như sau: Dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 12/3/2019 thực hiện thay 11 lần x 1.000.000 đồng x 3 chung = 33.000.000 đồng. Dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 10/4/2019 thực hiện thay 11 lần x 1.000.000 đồng x 2 chung = 22.000.000 đồng. Dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 15/7/2019 thực hiện thay 11 lần x 1.000.000 đồng x 01 chung = 11.000.000 đồng. Dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 15/8/2019 thực hiện thay 11 lần x 1.000.000 đồng x 02 chung = 22.000.000 đồng. Dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 12/3/2020 thực hiện thay 11 lần x 1.000.000 đồng x 02 chung = 22.000.000 đồng. Tổng số tiền thực hiện nghĩa vụ thay là 110.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền vay thì thấy rằng: Ông S, bà V khởi kiện bà Đ, ông U yêu cầu trả số tiền vốn vay 16.000.000 đồng được bà Đ thừa nhận và đồng ý trả nợ. Do đó, yêu cầu của ông S, bà V là có cơ sở được chấp nhận. Đối với lãi suất đã đóng cho nguyên đơn thì tại phiên Tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đ thỏa thuận chia đôi và trừ vào vốn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng tiền hội và tiền vay bà Đ phải trả cho ông S, bà V là 186.525.000 đồng.

Đối với việc ông S, bà V yêu cầu ông U có trách nhiệm cùng với bà Đ trả cho ông bà số tiền trên thì thấy rằng: Ông S, bà V xác định các dây hội và nợ tiền vay do bà Đ trực tiếp giao dịch với ông bà nhưng ông U đều biết. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Đ thừa nhận quá trình bà Đ tham gia hội của ông S bà V, ông U cũng biết việc bà Đ tham gia hội của ông S, bà V. Do bà Đ tham gia hội và vay tiền của ông S, bà V còn trong thời kỳ hôn nhân của bà Đ, ông U và việc bà Đ tham gia hội, vay tiền cũng dùng cho việc sinh hoạt trong gia đình và chi phí chung cho vợ chồng. Do đó buộc ông U phải cùng có trách nhiệm với bà Đ trả cho ông S, bà V số tiền hội, vay nêu trên là phù hợp.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Đ và ông U phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông S, bà V không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 ; Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật dân sự. Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mU thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Lê Hồng V về việc yêu cầu bà Nguyễn Hồng Đ và ông Phương Văn U phải trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Lê Hồng V số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Lê Hồng V. Buộc bà Nguyễn Hồng Đ và ông Phương Văn U phải trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Lê Hồng V tổng số tiền hui và vay là 186.525.000 đồng (một trăm tám mươi S1 triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông S, bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đ, ông U không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng bà Đ, ông U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn S và bà Lê Hồng V 1.544.000 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0011674 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Nguyễn Hồng Đ và ông Phương Văn U phải chịu 9.326.250 đồng (chín triệu ba trăm hai mươi S1 nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Biện Thị Nhung**

